

# **QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 19081601/QĐ - ĐHTL ngày 16 tháng 8 năm 2019 của  
Hiệu trưởng Trường Đại học Thăng Long*

---

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này vận dụng “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo quyết định số 17/VBHN - BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Thăng Long.

### **Điều 2. Chương trình giáo dục đại học**

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo.

2. Các chương trình được Trường xây dựng tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi chương trình gắn với một ngành hoặc một vài ngành.

3. Chương trình đào tạo được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

4. Một chương trình đào tạo đại học hệ 4 năm của trường gồm ít nhất 140 tín chỉ. Nhà trường quy định cụ thể số tín chỉ tối thiểu của từng chương trình đào tạo.

### **Điều 3. Năm học, khóa học, thời gian đào tạo**

Năm học do trường quy định gồm 3 học kỳ, mỗi học kỳ có 9 tuần học và 4 - 5 tuần dành cho ôn và thi. Thời gian biểu cho các hoạt động học tập giảng dạy, ôn và thi, nghỉ lễ, nghỉ hè, nghỉ Tết quy định trong Kế hoạch đào tạo được Nhà trường công bố vào đầu mỗi năm học.

Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo của một ngành nhất định.

Thời gian đào tạo của một khóa học là 4 năm. Tùy theo khả năng, sinh viên có thể tự sắp xếp để rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập ở trường. Thời gian tối đa (đã tính cả thời gian tạm dừng học bảo lưu kết quả học tập và thời gian học ngành thứ hai) để sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo không quá 8 năm. Những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

### **Điều 4. Học phần và tín chỉ**

1. Học phần là một khối lượng kiến thức được kết cấu chặt chẽ như một phần của một học phần hoặc một tổ hợp từ một số học phần, được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập.

Mỗi học phần đều có đề cương chi tiết thể hiện các nội dung: mục tiêu đào tạo, giới thiệu tóm tắt học phần; các học phần tiên quyết; cách đánh giá học phần; nội dung chính các chương mục; các giáo trình, tài liệu tham khảo... Nội dung đề cương học phần được giảng viên thông báo cho sinh viên trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của một chương trình và bắt buộc sinh viên theo học chương trình đó phải tích lũy.

Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn trong một khuôn khổ được quy định nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn (tự chọn bắt buộc) hoặc tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số tín chỉ quy định (tự chọn tự do).

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ tương ứng với 15 giờ học lý thuyết trên lớp; 30 - 45 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thảo luận, thí nghiệm sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (bao gồm thời gian hoạt động theo nhóm; tự học, tự nghiên cứu) cho 1 tín chỉ.

## **Điều 5. Lớp nhập học và lớp học phần**

Lớp nhập học do nhà trường sắp xếp cho sinh viên khi nhập học. Mỗi lớp nhập học bao gồm những sinh viên cùng khóa và theo học cùng chương trình đào tạo.

Lớp học phần do nhà trường mở cho từng học kỳ, gồm những sinh viên cùng học một học phần, theo cùng một thời khoá biểu.

Lớp học phần sẽ không được mở nếu chỉ có ít hơn 20 sinh viên đăng ký học, trừ những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

## **Điều 6. Thông tin đào tạo dành cho sinh viên và gia đình**

### *1. Thông tin khi nhập học*

- Quy định về đào tạo; chương trình, kế hoạch đào tạo của khoá - ngành bao gồm cả giới thiệu tóm tắt các học phần có trong chương trình đào tạo;

- Các khoản học phí, lệ phí phải nộp;

- Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên.

### *2. Thông tin trong từng học kỳ*

- Kế hoạch đào tạo (được thông báo cụ thể vào đầu mỗi năm học trên trang web của trường);

- Các thay đổi (nếu có) trong chương trình đào tạo các khóa, ngành;

- Các hướng dẫn cần thiết để sinh viên sắp xếp kế hoạch học tập;

- Thời khoá biểu của học kỳ (được đưa lên trang web của trường vào mỗi đợt đăng ký học trước khi bắt đầu học kỳ hai tuần);

- Thời khoá biểu cá nhân của từng sinh viên, trong đó ghi rõ tên học phần, thời gian học, phòng học và tổng học phí sinh viên phải đóng trong học kỳ đó;

- Lịch thi chung của trường để sinh viên có thể đăng ký thi lại, thi nâng điểm (được công bố chậm nhất là sau một tháng kể từ ngày bắt đầu học kỳ mới);
- Lịch thi cá nhân của từng sinh viên (được công bố trang web của trường ít nhất ba ngày trước khi bắt đầu kỳ thi), trong đó ghi rõ môn thi, thời gian thi và phòng thi;
- Thời gian đăng ký chuyển ngành, học hai ngành;
- Thời gian đăng ký hủy điểm tổng kết những học phần đã học...

### 3. Kết quả học tập

- Các điểm thành phần (điểm đánh giá quá trình, điểm chuyên cần...) được giảng viên thông báo cho sinh viên trong giờ học trên lớp;
- Điểm tổng kết học phần được công bố trang web của trường sau 10 ngày kể từ khi kết thúc kỳ thi;

### 4. Kết quả học tập có xác nhận của Trường

Trong quá trình học, sinh viên có quyền đề nghị trường cấp:

- Bảng điểm ghi kết quả học tập của tất cả các học phần mà sinh viên đã học hoặc bảng điểm ghi kết quả các học phần mà sinh viên đã tích lũy;
- Giấy chứng nhận hoàn thành hoặc cơ bản hoàn thành chương trình đào tạo với điều kiện các học phần tích lũy được tối thiểu 120 tín chỉ.

### 5. Tình hình học tập của sinh viên (thông báo cho gia đình)

Các trường hợp sinh viên thôi học hoặc tự ý thôi học (Điều 14), bị đình chỉ học hoặc bị buộc thôi học (Điều 26 và Điều 27) được nhà trường thông báo cho gia đình sau mỗi học kỳ.

## Điều 7. Trách nhiệm của sinh viên

- Tìm hiểu, nghiên cứu Quy định về đào tạo, Chương trình đào tạo để nắm vững và thực hiện đúng. Khi cần thiết, sinh viên có thể liên hệ với cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm, bộ môn, các phòng ban chức năng hoặc giảng viên để được hướng dẫn và giúp đỡ;
- Thường xuyên theo dõi và đọc kỹ các thông báo hướng dẫn học tập được đăng tải trên trang web và bảng thông báo của trường;
- Đăng ký học, đăng ký thi theo đúng quy định, quy trình;
- Học đúng lớp, thi đúng phòng thi và thời gian đã được xếp;
- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của học phần đã đăng ký, tham dự đầy đủ các buổi học, kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần;
- Bảo mật các thông tin cá nhân, tài khoản cá nhân và mật khẩu được nhà trường cấp cho mỗi sinh viên để truy cập trang web xem tình trạng sinh viên, đăng ký học, đăng ký thi, lịch thi cá nhân, kết quả điểm thi...;
- Đóng học phí, lệ phí thi lại đầy đủ, đúng thời hạn.

## Điều 8. Cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm

Mỗi khoa đều có đội ngũ cố vấn học tập hoặc giáo viên chủ nhiệm (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) với chức năng tư vấn, trợ giúp sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp.

Cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm có nhiệm vụ:

- Giúp sinh viên nắm vững quy định về đào tạo, các quy định của nhà trường liên quan đến quyền và nghĩa vụ của sinh viên;
- Tư vấn cho sinh viên về phương pháp học tập, phương pháp tự học và kỹ năng nghiên cứu khoa học;
- Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu chương trình đào tạo của ngành, cách lựa chọn học phần, xây dựng kế hoạch học tập cho từng học kỳ;
- Tư vấn cho sinh viên trong việc tìm nơi thực tập, lựa chọn đề tài khóa luận, tiểu luận, đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của sinh viên.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 9. Tổ chức lớp học**

Trong hai học kỳ đầu tiên kể từ khi nhập học, sinh viên học chủ yếu theo thời khóa biểu nhà trường xếp cho từng lớp nhập học. Riêng các học phần tiếng Anh, sinh viên phải tự đăng ký học theo các lớp được mở trên trang web của trường.

Từ học kỳ thứ ba trở đi, sinh viên phải tự chọn (trên trang web của trường) những lớp học phù hợp với điều kiện cá nhân trên cơ sở chương trình của chuyên ngành đang theo học và kết quả học tập đã đạt được, với sự hướng dẫn và trợ giúp của cố vấn học tập hoặc giáo viên chủ nhiệm.

#### **Điều 10. Đăng ký lớp học phần**

Sinh viên chọn các lớp học phần để theo học trong mỗi học kỳ bằng cách đăng ký học trên trang web của trường.

Việc đăng ký học được bắt đầu vào khoảng hai tuần trước khi bắt đầu một học kỳ. Thời hạn bắt đầu đăng ký học của từng sinh viên được xác định căn cứ theo số tín chỉ mà sinh viên đã tích lũy (sinh viên nào tích lũy được nhiều tín chỉ hơn thì được bắt đầu đăng ký sớm hơn) và được công bố trên trang web của trường. Trong thời hạn này, sinh viên được tự do sửa đổi thời khóa biểu cá nhân.

Trong tuần đầu tiên của học kỳ, sinh viên có thể vào trang web của trường để đăng ký thêm môn nhưng không được hủy môn. Phòng Đào tạo chỉ giải quyết việc hủy học phần đã đăng ký cho sinh viên trong trường hợp có lý do chính đáng.

Sinh viên được phép đăng ký học bất cứ học phần nào có mở lớp trong học kỳ nếu thoả mãn các điều kiện tiên quyết của học phần và lớp học phần tương ứng còn khả năng tiếp nhận sinh viên.

Sau khi hoàn thành việc đăng ký học, sinh viên có thể tra cứu thời khóa biểu cá nhân trong đó có thông tin về các lớp học phần đã đăng ký học và số tiền học phí dự kiến phải nộp.

Sau hai tuần từ khi bắt đầu một học kỳ, lịch học của từng sinh viên được cố định. Sinh viên phải nộp học phí theo các học phần đã đăng ký và theo học đúng lớp học phần đã đăng ký. Trong trường hợp lớp đã đăng ký bị huỷ (do có quá ít sinh viên) và thời hạn

đăng ký trên mạng đã hết, sinh viên thông qua cố vấn học tập để đăng ký lớp thay thế trong vòng một tuần sau khi công bố huỷ lớp.

Mỗi học kỳ, sinh viên chỉ được đăng ký học không quá 15 tín chỉ. Ngoài ra, tổng số học phần đăng ký học và số học phần phải thi lại không được vượt quá 10 học phần. Sinh viên có kết quả học tốt có thể được đăng ký học nhiều hơn mức quy định chung với sự trợ giúp của cố vấn học tập hoặc giáo viên chủ nhiệm.

## **Điều 11. Các học phần đặc biệt**

### *1. Học phần thực tập ngoài trường*

Một số học phần thực tập được tổ chức tại các cơ sở bên ngoài trường. Sinh viên đăng ký các học phần này và đi thực tập theo sự tổ chức của bộ môn hoặc tự liên hệ trực tiếp với các cơ sở đến thực tập. Vào tuần thứ mười của học kỳ, sinh viên phải nộp báo cáo thực tập tại bộ môn theo quy định cụ thể của từng bộ môn.

### *2. Khóa luận tốt nghiệp*

Khóa luận tốt nghiệp được bố trí thực hiện vào giai đoạn cuối của quy trình đào tạo và có quy trình đánh giá riêng.

#### a) Đăng ký và làm khóa luận tốt nghiệp:

- Để được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải tích lũy ít nhất 120 tín chỉ, trong đó các học phần trong chương trình Giáo dục đại cương phải được tích lũy đủ. Từng khóa học và từng ngành học có thể có thêm những yêu cầu khác về điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp.

- Sinh viên đạt điều kiện nêu trên đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp với các bộ môn. Căn cứ chỉ tiêu định trước, các bộ môn xác định danh sách sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp cho mỗi đợt.

- Trong quá trình làm khóa luận, ngoài việc phải thực hiện các yêu cầu của giảng viên hướng dẫn, sinh viên phải định kỳ gặp người phụ trách để báo cáo công việc đã làm và để được giúp đỡ.

- Khóa luận tốt nghiệp được trình bày theo mẫu do trường quy định.

#### b) Đánh giá khóa luận tốt nghiệp:

Thời hạn để sinh viên hoàn thành khóa luận từ 4 đến 5 tháng.

Khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi một trong hai hình thức: bảo vệ khóa luận và chấm khóa luận. Hiệu trưởng quyết định danh sách Hội đồng chấm khóa luận (gồm 4 hoặc 5 thành viên, trong trường hợp bảo vệ khóa luận) và danh sách giảng viên chấm khóa luận (gồm 2 giảng viên, trong trường hợp chấm khóa luận).

Mỗi năm học trường tổ chức một số đợt bảo vệ khóa luận. Sinh viên có thể được gia hạn một lần để bảo vệ khóa luận vào đợt sau.

c) Sinh viên phải làm lại khóa luận ngay trong đợt tiếp theo, nếu không hoàn thành khóa luận đúng thời hạn, hoặc có kết quả không đạt yêu cầu, hoặc muốn làm lại khóa luận để cải thiện điểm. Nếu vẫn không đạt, sinh viên phải đăng ký làm khóa luận mới giống như đăng ký lần đầu hoặc học chuyên đề tốt nghiệp để thay thế.

### 3. Chuyên đề tốt nghiệp

Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp phải học và thi một số chuyên đề tốt nghiệp theo quy định cho từng ngành.

Thủ tục đăng ký học và cách đánh giá kết quả các chuyên đề tốt nghiệp giống như đối với các học phần khác.

### **Điều 12. Đăng ký học lại, thi lại và thi nâng điểm**

#### 1. Đăng ký học lại

Thủ tục đăng ký học lại các học phần được tiến hành như thủ tục đăng ký học lần đầu.

#### 2. Các bước thực hiện việc đăng ký thi lại, thi nâng điểm

- Trước mỗi học kỳ, thông qua cuộc họp lớp với cố vấn học tập, sinh viên có thể đề nghị khoa, bộ môn mở thi lại các học phần mà trong học kỳ đó không mở thời khóa biểu.

- Cuối tuần thứ tư của mỗi học kỳ, phòng Đào tạo công bố lịch thi trên trang web của trường. Sinh viên vào trang web của trường để đăng ký thi lại, thi nâng điểm từ tuần thứ năm đến tuần thứ bảy của học kỳ.

- Trong khoảng thời gian được đăng ký thi lại, thi nâng điểm, sinh viên có thể sửa chữa lịch thi theo ý muốn. Sau khi hoàn thành đăng ký thi lại, thi nâng điểm một học phần, sinh viên sẽ có lịch thi của học phần đó (trên trang web của trường).

- Sinh viên phải tuân thủ các quy trình và tiến hành đăng ký thi để có phiếu dự thi trong mỗi học kỳ. Chỉ những sinh viên có trong danh sách thi mới được phép dự thi.

### **Điều 13. Chuyển ngành học, học hai ngành**

1. Sinh viên được xét chuyển ngành một lần duy nhất với điều kiện sau:

a) Đã học ở trường ít nhất 2 học kỳ.

b) Có cùng tổ hợp xét tuyển sinh đầu vào với tổ hợp xét tuyển của ngành chuyển đến và có điểm thi tuyển sinh không thấp hơn điểm trúng tuyển của ngành chuyển đến.

c) Thỏa mãn yêu cầu (nếu có) về điểm tổng kết của một số học phần (phòng Đào tạo có quy định cụ thể).

2. Sinh viên học hai ngành là sinh viên học thêm một ngành thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

a) Điều kiện để được đăng ký học thêm ngành hai:

- Tích lũy được  $\geq 66$  tín chỉ;

- Có kết quả học tập từ khá trở lên (TBTL  $\geq 7,0$ );

- Thỏa mãn yêu cầu (nếu có) về điểm tổng kết của một số học phần (phòng Đào tạo có quy định cụ thể).

b) Khi học ngành thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong ngành thứ nhất (theo quy định của trường).

c) Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp ngành thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở ngành thứ nhất.

3. Việc đăng ký chuyển ngành, học hai ngành được thực hiện vào tuần thứ năm của học kỳ. Sinh viên chỉ được chuyển ngành một lần duy nhất. Khi đăng ký học hai ngành, chuyển ngành, sinh viên phải nộp lệ phí theo quy định.

#### **Điều 14. Nghỉ học tạm thời, thôi học, tự ý thôi học, chuyển trường**

##### *1. Nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập*

a) Sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả học tập nếu đã tích lũy được ít nhất 14 tín chỉ.

b) Sinh viên được nghỉ học tạm thời trong thời gian tối đa là một năm học. Thời gian nghỉ học được tính vào tổng thời gian để hoàn thành khoá học (không được vượt quá 8 năm).

c) Sinh viên được bảo lưu kết quả học tập các học phần đã học nếu nghỉ học tạm thời một học kỳ. Trong trường hợp nghỉ học tạm thời từ hai học kỳ đến một năm, sinh viên chỉ được bảo lưu kết quả học tập của những học phần có điểm tổng kết  $\geq 4$ .

d) Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học phải viết đơn (kèm theo giấy xác nhận của chính quyền địa phương về nhân thân) gửi phòng Đào tạo muộn nhất là hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới và phải nộp lệ phí theo quy định.

e) Sinh viên nghỉ học tạm thời quá thời hạn sẽ thuộc diện buộc thôi học .

##### *2. Thôi học, tự ý thôi học*

Sinh viên được phép thôi học nếu có đơn đề nghị. Sinh viên không đăng ký học và đăng ký thi được xem là tự ý thôi học.

Sinh viên thôi học hoặc tự ý thôi học trong vòng một năm học nếu muốn trở lại học thì phải viết đơn (kèm theo giấy xác nhận của chính quyền địa phương về nhân thân) gửi phòng Công tác sinh viên muộn nhất là hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới và phải nộp lệ phí theo quy định. Sinh viên thuộc diện này chỉ được bảo lưu kết quả học tập của các học phần có điểm tổng kết  $\geq 4$ .

Thời gian nghỉ học được tính vào tổng thời gian để hoàn thành khoá học (không được vượt quá 8 năm).

##### *3. Chuyển trường*

Sinh viên được xét chuyển trường đến và đi nếu được sự đồng ý cho đi và tiếp nhận của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và đến. Hồ sơ xin chuyển trường phải nộp theo quy định của trường.

Sinh viên từ trường đại học khác (hệ chính quy) chuyển đến được chuyển điểm tổng kết các học phần sau (nếu đã tích lũy) vào kết quả học tập tại Trường Đại học Thăng Long: *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương, Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất*. Đối với các học phần khác có nội dung, khối lượng và trình độ tương đương với những học phần tương ứng của Trường Đại học Thăng Long, sinh viên được đăng ký thi một lần duy nhất vào ngay học kỳ đầu tiên, điểm thi (nếu  $\geq 5$ ) được tính là điểm tổng kết học phần. Sinh viên phải nộp lệ phí thi bằng 1/3 học phí học phần tương ứng.

## Chương III

### ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

#### **Điều 15. Đánh giá kết quả học tập một học phần**

##### *1. Điểm thành phần*

Đánh giá kết quả học tập một học phần trong học chế tín chỉ là đánh giá quá trình học tập và được cụ thể hóa qua các điểm thành phần của học phần. Điểm thành phần có thể gồm một số hay tất cả các dạng điểm như sau:

- Điểm đánh giá quá trình gồm tổng hợp các điểm kiểm tra, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia các giờ học, điểm chuyên cần. (Điểm này được bảo lưu khi tính điểm tổng kết cho những học phần thi lại và nâng điểm).

- Điểm thi cuối kỳ: viết tự luận, tiểu luận, vấn đáp.

##### *2. Thang điểm*

Bài thi và bài kiểm tra được đánh giá theo thang điểm 10.

Sinh viên sẽ bị nhận điểm 0 cho bài thi đối với một học phần đã đăng ký học (hoặc đăng ký thi lại, thi nâng điểm) mà không dự thi dù bất cứ lý do nào.

##### *3. Thi kết thúc học phần*

a) Trong mỗi học kỳ, mỗi học phần có một lần thi kết thúc học phần, không có đợt thi lại riêng.

b) Hoãn thi: Nếu có lý do chính đáng, sinh viên có thể làm đơn xin hoãn thi nộp phòng Đào tạo kèm theo các giấy tờ xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền. Sinh viên chỉ được hoãn thi khi được sự chấp nhận của phòng Đào tạo. Trong trường hợp này, sinh viên được dự thi kết thúc học phần vào đợt thi sau.

c) Sinh viên không được thi kết thúc học phần nếu:

- Vắng mặt quá 30% số giờ lên lớp của học phần, hoặc

- Có điểm đánh giá quá trình (Q) không đạt ( $< 4$ ).

Danh sách sinh viên không được thi do giảng viên phụ trách lớp môn học thông kê và sẽ công bố trên trang web của trường.

Sinh viên sẽ nhận điểm 0 đối với học phần không được thi và phải học lại học phần đó.

##### *4. Điểm tổng kết học phần*

Điểm cuối cùng để đánh giá kết quả học tập một học phần của sinh viên được gọi là Điểm tổng kết học phần (được viết tắt là TK). Điểm tổng kết học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân.

a) Đối với học phần mà sinh viên đăng ký học (học lần đầu hoặc học lại)

$$TK = k \cdot T + (1 - k) \cdot Q, \text{ trong đó:}$$

- T là điểm thi kết thúc học phần,



- Q là điểm đánh giá quá trình (tổng hợp của các điểm kiểm tra, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia các giờ học, điểm chuyên cần),

- k là hệ số, do trường xác định theo từng học phần, có giá trị giữa 0,5 và 1,0.

Nếu  $T \geq Q \geq 7$  thì điểm thi (T) sẽ được lấy làm điểm tổng kết (TK).

Khi học lại, điểm thi (T) cũ và điểm quá trình (Q) cũ bị hủy.

b) Đối với học phần thi lại:

$TK \text{ mới} = \max(k * T \text{ mới} + (1 - k) * Q \text{ cũ}, TK \text{ cũ})$ .

c) Đối với học phần thi nâng điểm:

$TK \text{ mới} = \max(k * T \text{ mới} + (1 - k) * Q \text{ cũ}, 1/2 * (k * T \text{ mới} + (1 - k) * Q \text{ cũ} + TK \text{ cũ}), 5)$ .

5. Một học phần được xem là đã tích lũy nếu  $TK \geq 5$ .

6. Điểm tổng kết các học phần  $< 4$  chỉ được bảo lưu nếu sinh viên đăng ký thi lại trong 2 học kỳ kế tiếp. Trường hợp các học phần này không mở thường xuyên trong thời khóa biểu, sinh viên có thể đề nghị khoa, bộ môn mở thi lại các học phần đó thông qua cố vấn học tập.

### **Điều 16. Học lại, thi lại, thi nâng điểm**

1. Sinh viên phải học lại một học phần trong các trường hợp sau

- Không được thi do có số buổi nghỉ học vượt quá mức cho phép;
- Không được thi do có điểm đánh giá quá trình Q thấp hơn mức quy định;
- Không được thi (và nhận điểm 0) do vi phạm kỷ luật thi;
- Đã thi lại 2 lần mà  $TK \text{ vẫn} < 5$ .

Sinh viên học lại một học phần phải nộp học phí học lại như học phí học lần đầu. Điểm đánh giá quá trình Q của học phần học lại được xác định như trường hợp học lần đầu.

2. Sinh viên được thi lại học phần có  $TK < 5$  tối đa 2 lần (nếu không thuộc trường hợp không được thi). Trong trường hợp này, sinh viên không phải nộp học phí học lại mà chỉ phải nộp lệ phí thi lại.

3. Sinh viên được thi nâng điểm một lần học phần đã tích lũy trong 2 học kỳ kế tiếp để có được kết quả cao hơn và không được thi nâng điểm những học phần được tích lũy do thi lại. Đối với các học phần ngoại ngữ, chỉ được thi nâng điểm học phần liền trước học phần đang học, không được thi nâng điểm các học phần trước học phần đang học từ 2 mức trở lên.

### **Điều 17. Khiếu nại điểm quá trình và phúc tra điểm thi cuối học kỳ**

Sinh viên có thể khiếu nại trực tiếp với giảng viên về điểm quá trình ngay sau khi điểm được công bố, trước khi giảng viên nộp điểm cho phòng Đào tạo.

Đối với điểm thi cuối học kỳ, sinh viên có thể nộp đơn cho phòng Đào tạo đề nghị phúc tra. Các học phần được phúc tra, thời hạn nhận đơn phúc tra và lệ phí phúc tra được phòng Đào tạo thông báo cụ thể trong từng học kỳ.

### **Điều 18. Miễn thi, công nhận điểm, bảo lưu điểm, xin hủy điểm**

1. Miễn thi là hình thức thưởng điểm cho những sinh viên đã đăng ký học một học phần và đạt thành tích tốt trong những kỳ thi Olympic môn tương ứng với học phần đó.

Hiệu trưởng xét duyệt danh sách sinh viên được miễn thi kèm điểm thưởng do các bộ môn đề nghị. Điểm thưởng được coi là điểm tổng kết học phần.

## 2. Công nhận điểm

Sinh viên có điểm thi tuyển sinh đầu vào môn ngoại ngữ là môn chính hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (có giá trị tính đến thời điểm quy đổi) sẽ được xét miễn học và thi học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của trường, được công nhận điểm tổng kết cho mỗi học phần và xếp vào lớp học phần kế tiếp.

## 3. Bảo lưu điểm

Sinh viên chuyển ngành hoặc học thêm ngành thứ hai được bảo lưu điểm các học phần chung và được thay thế một số học phần tương đương trong chương trình đào tạo theo quy định của nhà trường.

4. Sinh viên có thể xin hủy kết quả điểm của những học phần đã có điểm tổng kết của các học kỳ trước để:

- Học lại học phần nhằm đạt điểm cao hơn (trường hợp đã tích lũy);
- Đăng ký học học phần khác để thay thế (trường hợp học phần tự chọn);
- Bớt số học phần phải thi lại để đăng ký học được nhiều học phần hơn (trường hợp TK < 5).

Sinh viên không được xin hủy điểm thi vừa công bố trong học kỳ.

## Điều 19. Xếp hạng năm đào tạo

### 1. Các tiêu chí để đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Kết quả học tập của sinh viên trong mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi giai đoạn hay toàn khoá học được đánh giá chủ yếu bởi các tiêu chí sau:

- STCTL: Số tín chỉ đã tích lũy;
- TBTL: Điểm trung bình các học phần đã tích lũy (kể cả khóa luận tốt nghiệp, nếu có).

(Điểm trung bình là điểm trung bình có hệ số của các học phần đã tích lũy, với hệ số là số tín chỉ của học phần đó. Cụ thể,

$$\text{Điểm trung bình (tích lũy)} = \frac{1}{s} \sum_{i \in T} a_i d_i$$

trong đó  $T$  là tập hợp các học phần đã được tích lũy (không kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng),  $d_i$  là điểm của học phần  $i$ ,  $a_i$  là số tín chỉ của học phần  $i$ , và  $s$  là tổng số tín chỉ của các học phần trong  $T$ ).

### 2. Xếp hạng năm đào tạo

Kết thúc mỗi học kỳ, căn cứ STCTL, sinh viên chưa tốt nghiệp và không bị buộc thôi học được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- Năm thứ nhất: STCTL < 30
- Năm thứ hai:  $30 \leq \text{STCTL} < 60$
- Năm thứ ba:  $60 \leq \text{STCTL} < 95$
- Năm thứ tư:  $95 \leq \text{STCTL} < 130$

- *Diện sắp tốt nghiệp:* STCTL  $\geq 130$

## Chương IV

### XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

#### Điều 20. Điều kiện xét tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định của chương trình đào tạo đang theo học và thỏa mãn các yêu cầu (nếu có) về kết quả học tập đối với một số tín chỉ theo quy định của trường;
- Đạt yêu cầu các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.
- Đạt yêu cầu về chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định.

#### Điều 21. Đăng ký xét tốt nghiệp

Mỗi năm học trường có 4 đợt xét tốt nghiệp. Lịch cụ thể sẽ được thông báo trong từng năm học.

Sinh viên tự thấy mình có đủ điều kiện tốt nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét tốt nghiệp cho phòng Đào tạo. Hồ sơ tốt nghiệp gồm một bản sao Giấy khai sinh, một bản sao bằng tốt nghiệp THPT (kèm theo bằng chính để đối chiếu) và lệ phí xét tốt nghiệp theo quy định của trường.

Sinh viên đang trong kỳ thi không được nộp hồ sơ tốt nghiệp.

Phòng Đào tạo chỉ trình Hội đồng xét tốt nghiệp các trường hợp đã hoàn thành thủ tục đăng ký.

#### Điều 22. Xếp hạng tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được xếp hạng theo Điểm trung bình tích lũy (TBTL) toàn khóa như sau:

- *Xuất sắc:* TBTL  $\geq 8,5$ ;
- *Giỏi :*  $8,0 \leq \text{TBTL} < 8,5$  ;
- *Khá :*  $7,0 \leq \text{TBTL} < 8,0$  ;
- *Trung bình khá:*  $6,0 \leq \text{TBTL} < 7,0$  ;
- *Trung bình :* TBTL  $< 6,0$ .

Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có điểm TBTL đạt loại xuất sắc hoặc giỏi có thể bị giảm đi một mức vì một số lý do: đã bị đình chỉ học một thời gian, bị tốt nghiệp chậm nhiều học kỳ, bị học lại nhiều học phần...

#### Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp và bằng điểm tốt nghiệp

Sinh viên đã được công nhận tốt nghiệp, đã trả hết sách cho thư viện của trường và đóng đầy đủ học phí, lệ phí thi sẽ được cấp Bằng tốt nghiệp và Bằng điểm tốt nghiệp.

Bảng điểm tốt nghiệp có đầy đủ thông tin về ngành học, chuyên ngành (nếu có), kết quả học tập theo từng học phần, điểm trung bình toàn khóa, hạng tốt nghiệp và xếp loại rèn luyện của sinh viên.

## **Chương V**

### **KỶ LUẬT HỌC TẬP VÀ KỶ LUẬT THI**

#### **Điều 24. Nghỉ học, đi học muộn, học hộ, nhờ người khác học hộ**

- Sinh viên nghỉ học không có phép hoặc đi học muộn bị trừ vào điểm chuyên cần trong điểm đánh giá quá trình của học phần (mức trừ cụ thể được quy định bởi phòng Đào tạo). Đi học muộn hai buổi được tính bằng một buổi nghỉ học không phép. Giấy phép xin nghỉ học chỉ hợp lệ nếu có lý do chính đáng và được nộp cho giảng viên hoặc phòng Công tác sinh viên trước giờ học. Khi không kịp báo vì ốm đau hoặc vì một lý do đột xuất, phải có xác nhận của cơ quan y tế hoặc của gia đình.

- Sinh viên nghỉ học quá 30% số giờ của một học phần thì không được dự thi và phải học lại vào học kỳ sau.

- Sinh viên đi học muộn quá 15 phút không được vào lớp học và được coi là nghỉ học buổi học đó.

- Sinh viên nhờ người khác học hộ bị đình chỉ học tập đối với môn học đó. Nếu vi phạm lần thứ hai sẽ bị đình chỉ học tập một học kỳ kế tiếp.

- Sinh viên đi học hộ tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật từ đình chỉ học tập đến buộc thôi học.

#### **Điều 25. Kỷ luật phòng thi**

1. Khi dự thi, sinh viên phải có mặt tại phòng thi trước 10 phút, phải mang theo thẻ sinh viên, giấy chứng minh nhân dân và ngồi đúng chỗ do cán bộ coi thi (CBCT) quy định. Sinh viên không mang theo thẻ sinh viên sẽ không được phép dự thi.

2. Sinh viên không được sử dụng tài liệu, các thiết bị truyền tin (điện thoại, máy nhắn tin...) trong phòng thi. Trường hợp sinh viên mang thiết bị truyền tin vào phòng thi phải tắt nguồn, để vào nơi do cán bộ coi thi chỉ định và tự chịu trách nhiệm về tài sản của mình.

3. Trong giờ thi, sinh viên không được phép ra khỏi phòng thi. Trường hợp đặc biệt, sinh viên có thể xin ra ngoài nhưng phải chịu sự giám sát của CBCT.

4. Khi hết giờ thi, phải ngừng làm bài và nộp bài thi. CBCT có quyền từ chối nhận bài của những sinh viên cố tình nộp bài thi chậm.

#### **Điều 26. Xử lý vi phạm kỷ luật thi, kiểm tra**

*1. Sinh viên mắc những lỗi sau bị nhận điểm 0 cho bài thi:*

- Đến phòng thi sau khi đã phát đề thi 10 phút, sinh viên không được dự thi;
- Viết, vẽ vào bài thi những nội dung không liên quan đến bài thi;
- Viết vào bài thi bằng các loại chữ hoặc loại mực khác nhau;
- Ngồi không đúng phòng thi;
- Làm không đúng đề được phát;

- Có thái độ không đúng mực bị mời ra khỏi phòng thi.

2. Sinh viên bị phát hiện mang theo tài liệu vào phòng thi sau khi đã bóc đề thi hoặc trao đổi bài bị nhắc đến lần thứ ba trong một buổi thi bị đình chỉ thi và nhận điểm 0 cho bài thi học phần đó, vi phạm từ lần thứ hai bị nhận điểm 0 cho toàn bộ các học phần thi của kỳ thi, vi phạm lần thứ ba bị đình chỉ học từ một học kỳ đến một năm.

3. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ sẽ bị đình chỉ học một năm, nếu vi phạm lần thứ hai sẽ bị buộc thôi học.

4. Sinh viên làm hộ bài kiểm tra quá trình sẽ bị đình chỉ học một học kỳ kế tiếp. Sinh viên nhờ người khác làm hộ bài kiểm tra quá trình sẽ bị hủy kết quả học tập đối với học phần đó và đình chỉ học tập một học kỳ kế tiếp. Nếu vi phạm lần thứ hai sẽ bị hủy toàn bộ kết quả học tập của học kỳ đó và đình chỉ học tập một học kỳ kế tiếp.

5. Sinh viên mang thiết bị truyền tin (điện thoại, máy nhắn tin...) vào phòng thi không tắt nguồn và để đúng nơi quy định tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý từ mức hủy kết quả thi học phần cho đến hủy toàn bộ kết quả thi của kỳ thi đó. Nếu vi phạm lần thứ hai sẽ bị hủy toàn bộ kết quả học tập của học kỳ đó và bị đình chỉ học một học kỳ kế tiếp.

### **Điều 27. Buộc thôi học**

1. Sinh viên bị buộc thôi học do học kém trong các trường hợp sau:

- Sau một năm học có STCTL < 14
- Sau hai năm học có STCTL < 36
- Sau ba năm học có STCTL < 62

2. Đối với sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học do học kém có STCTL đạt 85% các mức tương ứng nêu trên, cha/mẹ và sinh viên có thể đến phòng Công tác sinh viên (mang theo hộ khẩu, Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân) để làm thủ tục xét cho sinh viên học thử thách trong ba học kỳ liên tiếp. Sinh viên sẽ được tiếp tục học nếu mỗi học kỳ học thử thách tích lũy được ít nhất 9 tín chỉ.

## **Chương VI**

### **HỌC PHÍ, LỆ PHÍ THI**

#### **Điều 28. Học phí và lệ phí thi**

1. Học phí

a) Đối với học kỳ 1 và học kỳ 2 của năm học đầu tiên, sinh viên đóng học phí theo mức quy định chung cho từng ngành từ khi nhập học.

b) Từ học kỳ thứ ba trở đi, sinh viên đóng học phí theo các học phần đăng ký học.

Học phí của mỗi học phần được xác định theo Số tín chỉ quy đổi (STCQĐ) của học phần đó và Số tiền một TCQĐ.

Học phí của học phần = STCQĐ \* Số tiền một TCQĐ.

STCQĐ của mỗi học phần được xác định như sau:

STCQĐ = Số tín chỉ của học phần \* Hệ số học phần.

Hệ số của một học phần được xác định tùy thuộc vào nhiều yếu tố: số giờ học, số lượng sinh viên tối đa của một lớp, tính chất của học phần... và được nêu cụ thể trong chương trình học từng ngành.

Số tiền một TCQĐ được nhà trường công bố vào đầu mỗi năm học.

## 2. Lệ phí thi

a) Sinh viên không phải nộp lệ phí thi cho học phần đăng ký học.

b) Lệ phí thi lại lần đầu một học phần được nhà trường công bố vào đầu mỗi năm học. Lệ phí thi nâng điểm = Lệ phí thi lại lần đầu.

c) Lệ phí thi lại lần 2 = 2 \* Lệ phí thi lại lần 1.

3. Lệ phí làm lại khóa luận lần 1 = 40% Lệ phí làm khóa luận lần đầu.

## Điều 29. Thời hạn nộp học phí, lệ phí thi

### 1. Sinh viên nộp học phí theo học kỳ

- Thời gian nộp học phí vào khoảng tuần thứ tư của học kỳ. Lịch thu học phí cụ thể sẽ được thông báo vào đầu mỗi học kỳ;

- Lệ phí thi lại và thi nâng điểm của học kỳ được nộp cùng với học phí của học kỳ kế tiếp.

### 2. Nộp học phí, lệ phí muộn

- Quá thời hạn chính thức nộp học phí, lệ phí thi mà sinh viên chưa nộp học phí thì được coi là nộp học phí muộn;

- Sinh viên nộp học phí muộn phải nộp phạt lũy tiến theo quy định của nhà trường;

- Trong trường hợp có khó khăn đặc biệt, chưa có khả năng nộp học phí và lệ phí thi, sinh viên phải làm đơn gửi phòng Công tác sinh viên xin được đóng học phí muộn để không bị nộp phạt;

- Hết tuần thứ chín của mỗi học kỳ, sinh viên chưa nộp học phí sẽ không được thi các học phần đã đăng ký học và thi trong học kỳ đó. Kết thúc kỳ thi, sinh viên mới được nộp học phí để có thể đăng ký các học phần của học kỳ tiếp sau và phải tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đăng ký học muộn, nếu như các lớp học phần mà mình muốn đăng ký học không còn chỗ.

## Chương VII

### CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

## Điều 30. Học bổng

- Hằng năm nhà trường xét cấp học bổng cho sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và có tư cách đạo đức tốt, không vi phạm kỷ luật;

- Tiêu chí đánh giá về học tập để được cấp học bổng là STCTL và TBTL;

- Tiêu chuẩn cụ thể của các mức học bổng phụ thuộc vào từng khoá học và ngành học theo quy định của trường;

- Những sinh viên có hoàn cảnh khó khăn sẽ được ưu tiên khi xét học bổng.
- Sinh viên có thành tích trong hoạt động Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên được cộng điểm ưu tiên khi xét học bổng.

### **Điều 31. Điều khoản thi hành**

Quy chế này được áp dụng cho các khóa đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện có tại Trường Đại học Thăng Long.

Các văn bản, các điều khoản do trường quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

# PHỤ LỤC

## 1. Các nhóm học

Nhóm 1 gồm khoa Kinh tế - Quản lý, khoa Du lịch năm thứ ba trở lên;

Nhóm 2 gồm khoa Toán - Tin, khoa Ngoại ngữ, khoa Khoa học Sức khỏe, khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, khoa Âm nhạc ứng dụng năm thứ hai trở lên và khoa Kinh tế - Quản lý, khoa Du lịch năm thứ hai;

Nhóm 3 gồm toàn bộ năm thứ nhất (khóa mới nhập học).

## 2. Thời gian thu học phí

Vào khoảng tuần thứ tư của học kỳ:

*Học kỳ 1:* nhóm 1 khoảng cuối tháng 8, nhóm 2 khoảng giữa tháng 9, nhóm 3 vào thời điểm nhập học.

*Học kỳ 2:* nhóm 1 khoảng cuối tháng 11, nhóm 2 khoảng cuối tháng 12, nhóm 3 khoảng cuối tháng 1.

*Học kỳ 3:* nhóm 1 khoảng giữa tháng 3, nhóm 2 khoảng giữa tháng 4, nhóm 3 khoảng giữa tháng 5.

## 3. Yêu cầu về điểm tổng kết của các học phần khi chuyển ngành đào tạo

- Chuyển đến các ngành thuộc khoa Kinh tế - Quản lý: điểm tổng kết các học phần Nhập môn kinh tế học và Toán  $\geq 6$ ;

- Chuyển đến các ngành thuộc khoa Toán - Tin học: điểm tổng kết các học phần Toán  $\geq 6$ ;

- Chuyển đến các ngành thuộc khoa Ngoại ngữ: điểm tổng kết các học phần Ngoại ngữ  $\geq 6$ ;

- Chuyển đến ngành Điều dưỡng: điểm tổng kết các học phần Hóa - Hóa sinh, Mô phôi - Di truyền  $\geq 6$ ;

- Chuyển đến ngành Truyền thông đa phương tiện: điểm tổng kết học phần Tiếng Việt thực hành  $\geq 7,0$ ;

- Chuyển đến ngành Luật kinh tế: điểm tổng kết học phần Tiếng Việt thực hành  $\geq 7,0$ .

## 4. Trừ điểm chuyên cần

Với mỗi buổi nghỉ học, sinh viên bị trừ điểm vào điểm đánh giá quá trình của học phần như sau:

- Trừ 0,3 điểm nếu học phần chỉ có một buổi lên lớp/tuần;

- Trừ 0,2 điểm nếu học phần có hai buổi lên lớp/tuần;

- Trừ 0,1 điểm nếu học phần có ba buổi lên lớp/tuần.

## 5. Thời gian thu hồ sơ tốt nghiệp

- Đợt 1: vào khoảng giữa tháng 11

- Đợt 2: vào khoảng cuối tháng 12

- Đợt 3: vào khoảng đầu tháng 4

- Đợt 4: vào khoảng đầu tháng 8